TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 4 năm 2020
"*V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Thanh Hoàng.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hữu Nghị.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyên Krông Năng *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Đăng Khoa, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2020, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 363/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về *"Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh P, sinh năm 1979 - có mặt.
Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.
- Bị đơn: Ông Trần Đình D, sinh năm 1971 - có mặt
Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 14/10/2019, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh P trình bày:*

Bà Trần Thị Thanh P với ông Trần Đình D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trong quá trình bà P, ông D chung sống với nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Bà P và ông D đã sống ly thân với nhau từ tháng 11 năm 2019 đến nay. Do đó, bà P yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Thanh P với ông Trần Đình D.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà Trần Thị Thanh P với ông Trần Đình D có 04 con chung gồm cháu Trần Thị Ngọc L, sinh ngày 21/10/1999; cháu Trần Thị Ngọc L, sinh ngày 17/10/2001; cháu Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 12/6/2005 và cháu Trần Đình B, sinh 04/12/2008.

Nguyện vọng của bà Trần Thị Thanh P khi yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Đình B đến tuổi trưởng thành. Ông Trần Đình D trực tiếp chăm sóc cháu Trần Thị Ngọc Á đến tuổi trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Thanh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 20/12/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Đình D trình bày:*

Ông Trần Đình D và bà Trần Thị Thanh P chung sống với nhau từ tháng 10 năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Cuộc sống chung của ông D với bà P được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người tính tình không hợp nhau, trong cuộc sống hai người không có tiếng nói chung. Hai bên gia đình đã tiến hành khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả gì. Ông D và bà P đã sống ly thân từ tháng 11/2019 đến nay. Ông Trần Đình D đồng ý để Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Đình D với bà Trần Thị Thanh P.

Về con chung: Giữa ông Trần Đình D với bà Trần Thị Thanh P có 04 con chung là gồm cháu Trần Thị Ngọc L, sinh ngày 21/10/1999; cháu Trần Thị Ngọc L, sinh ngày 17/10/2001; cháu Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 12/6/2005; cháu Trần Đình B, sinh 04/12/2008.

Nguyện vọng của ông D là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Ngọc Á đến tuổi trưởng thành. Đối với cháu Trần Đình B thì giao cho bà Phúc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Ông Trần Đình D không có yêu cầu phản tố, không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Phần tranh luận tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về Tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Trần Thị Thanh P và ông Trần Đình D chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh P, xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Thanh P với ông Trần Đình D.

Về con chung: Giao cháu Trần Đình B, sinh 04/12/2008 cho bà Trần Thị Thanh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 12/6/2005 cho ông Trần Đình D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà Trần Thị Thanh P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Thanh P khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà P với ông D và xác định trách nhiệm nuôi con, đây là vụ kiện *"Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con"*.

Bị đơn là ông Trần Đình D có nơi cư trú tại thôn L, xã P, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Đình D và bà Trần Thị Thanh P không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và có yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân mà tiến hành hòa giải các nội dung khác của vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Đình D và bà Trần Thị Thanh P chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1998, tuy có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng ông D với bà P không đăng ký kết hôn nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Ông D và bà P đều thừa nhận cả hai thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa và đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình để tuyên bố ông Trần Đình D và bà Trần Thị Thanh P không phải là vợ chồng.

[3.2] *Về con chung*: Ông Trần Đình D và bà Trần Thị Thanh P đều thống nhất được bà P là người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Đình B, còn ông D là người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Ngọc Á đến tuổi trưởng thành. Các con chung đều có ý kiến về việc ở cùng ai như ông Dũng, bà Phúc đã thỏa thuận ở trên. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trần Đình B cho bà P và giao cháu Trần Thị Ngọc Á cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.6] *Về án phí*: Bà Trần Thị Thanh P phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh P.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Đình D với bà Trần Thị Thanh P.

- *Về con chung*: Giao cho ông Trần Đình D được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu cháu Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 12/6/2005 cho đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

Giao cho chị Trần Thị Thanh P được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trần Đình B, sinh 04/12/2008 cho đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

Hai bên có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con thì phải làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Bà Trần Thị Thanh P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai thu số AA/2019/0002723 ngày 21 tháng 11 năm 2019.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Năng;*
- *UBND xã P;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Tạ Thanh Hoàng